TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 28/2020/HNGĐ- ST
Ngày 05/06/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị D với anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung
2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh B Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh B Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 659/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang (có mặt).

*2. Bị đơn:*Anh Ong Văn B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị D trình bày: Được sự đồng ý của hai bên gia đình, năm 2003 chị và anh Ong Văn B đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn chị và anh B có được tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về nhà anh B làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh B không hiểu nhau, ngày càng bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh B sống ly thân từ năm 2007, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa

chị và anh B không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B sinh được con chung là Ong Văn V, sinh ngày 07/4/2004, đang ở với chị, phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ong Văn B, nhưng anh B không đến trụ sở Tòa án làm việc.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Đào Thị D được ly hôn anh Ong Văn B. Về con chung: Giao cho chị D tiếp tục nuôi con, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị D có mặt, anh B vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị D kết hôn với anh Ong Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 24/3/2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị D và anh B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị D, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị D ly hôn anh B.

[3]. Về con chung: Để tránh xáo trộn về cuộc sống; xét chị D có đủ điều kiện để nuôi con và cũng là nguyện vọng của cháu Ong Văn V nên tiếp tục giao cho chị Đào Thị D nuôi cháu V là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Đào Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đào Thị D ly hôn với anh Ong Văn B.

2.Về con chung: Giao cho chị Đào Thị D tiếp tục nuôi con là Ong Văn V, sinh ngày 07/4/2004. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Anh Ong Văn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đào Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004480 ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã P;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân